TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H.N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **207**/2023/QĐST-HNGĐ	*H.N, ngày 26 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.N tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H.N;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 198/2023/ TLST-HNGĐ ngày 20-9-2023, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 215/2023/ QĐPH-ST ngày 21-9-2023, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị L.T.H, sinh năm 1985. Hộ chiếu số N2358*** do Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại P.P, CHLB Đ cấp ngày 15-4-2021. HKTT: P29 – B9, K.L, quận Đ.Đ, H.N. Địa chỉ tại nước ngoài: K.S 3 44379 D, CHLB Đ.

- Anh T.D.T, sinh năm 1975. Hộ chiếu số N1813*** do Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại P.P, CHLB Đ cấp ngày 25-01-2017. HKTT: Số 94 phố H, phường H.C, thành phố H.Y, tỉnh H.Y. Địa chỉ tại nước ngoài: K.S 3 44379 D, CHLB Đ.

Anh T có mặt, chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Anh T.D.T và chị L.T.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25-8-2016 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại F.A.M, CHLB Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt; cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau, vợ chồng không có con chung. Nay T và chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau, không chia sẻ, thấu hiểu nhau, cuộc sống hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân

không đạt và không thể kéo dài tình trạng hôn nhân xa cách nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Anh T.D.T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Chị L.T.H có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam và ủy quyền cho chị Đ.T.A.H và chị L.T.T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị L.T.T có mặt, đồng ý nhận văn bản của chị H và cam kết sẽ giao gửi văn bản cho chị H.

Anh T.D.T có mặt, trình bày giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là chị L.T.H đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.N. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí, lệ phí: Ghi nhận việc anh T.D.T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố H.N nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là chị L.T.H đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài

nên Tòa án nhân dân Thành phố H.N thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L.T.H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có văn bản ủy quyền cho chị Đ.T.A.H, chị L.T.T nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh T.D.T và chị L.T.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25-8-2016 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại F.A.M, CHLB Đ nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại C.H.L.B.Đ. Các đương sự đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T và chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự nên chấp nhận.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh T.D.T và chị L.T.H đều thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T.D.T và chị L.T.H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc anh T.D.T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T.D.T và chị L.T.H. Anh T.D.T và chị L.T.H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh T và chị H không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T và chị H đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận việc anh T.D.T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0002622 ngày 20-9-2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.N. Anh T.D.T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26-9-2023./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hà Nội;
- Cục THADS TP.HN;
- UBND TT Xuân Mai, h.Chương Mỹ, TP.H.N;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyện